

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 10- ĐỒNG NAI Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2025/DS-ST

Ngày: 11/9/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Vĩnh

Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Khải Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Đồng Nai: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ A, ấp V, xã T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H: bà Phạm Thị Cẩm B, sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Lê Bá H1, sinh năm 1952. (Có mặt)

Nơi cư trú: tổ F, thôn C, xã T, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thị H2, sinh năm 1982 (vắng mặt có đơn xin vắng)

Nơi cư trú: tổ F, thôn C, xã T, tỉnh Đồng Nai

Anh Lê Bá L, sinh năm 1991 (vắng mặt có đơn xin vắng)

Nơi cư trú: tổ F, thôn C, xã T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/7/2022 anh H có làm hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông H1 đối với phần diện tích 5m x 40m trong đó có 50 m² thổ cư thuộc một phần thửa đất 298, tờ bản đồ 60 tọa lạc khu phố C, TT T, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là Thôn C, xã T, tỉnh Đồng Nai). Đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ phát hành CG 060914, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 16076, cấp ngày 22/3/2017. Khi đặt cọc chỉ coi sổ đất có sơ đồ phía trong và cứ nghĩ là đất đứng tên ông H1. Sau này mới biết đất đứng tên ông Lê Bá L là con trai ông H1. Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 1.400.000.000đ. Anh H đặt cọc 300.000.000đ, số tiền còn lại khi nào ông H1 hoàn tất hồ sơ ký hợp đồng chuyển nhượng tại phòng công chứng thì anh H sẽ chuyển hết số tiền còn lại. Thời gian để ông H1 hoàn tất hồ sơ là 01 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng đặt cọc. Các bên có làm hợp đồng đặt cọc, ông H1 có ký tên, điểm chỉ, chị H2 là con và ký người làm chứng (do khi đặt cọc yêu cầu phải có 02 người làm chứng).

Tuy nhiên đến ngày 29/8/2022 thì bà Lê Thị H2 là con gái ông H1 yêu cầu đặt cọc thêm số tiền 100.000.000đ để nhanh chóng làm hồ sơ. Anh H chuyển cho chị H2 100.000.000đ thông qua chị D là dì của anh H. Tổng số tiền anh H đặt cọc cho ông H1, chị H2 là 400.000.000đ.

Tuy nhiên đã hết thời gian thỏa thuận bên ông H1 vẫn chưa hoàn tất hồ sơ để làm thủ tục chuyển nhượng cho anh H. Nay anh H yêu cầu tòa án nhân dân khu vực 10- Đồng Nai giải quyết:

- Anh Nguyễn Minh H yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 29/7/2022 giữa anh Nguyễn Minh H và ông Lê Bá H1 đối với thửa đất số 298, tờ bản đồ 60 tọa lạc tổ F, khu phố C, TT T, huyện H, tỉnh Bình Phước nay là xã T, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Nguyễn Minh H yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Bá H1 và chị Lê Thị H2 có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại số tiền cọc 400.000.000đ cho anh H.

Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Bá H1 và chị Lê Thị H2 có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại số tiền cọc 400.000.000đ cho anh H. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Bị đơn ông Lê Bá H1 trình bày:

Ông H1 và chị Lê Thị H2 là cha con, anh H là chỗ quen biết, không có quan hệ họ hàng.

Ngày 29/7/2022 anh H có làm hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông H1 đối với phần diện tích 5m x 40m trong đó có 50 m² thổ cư thuộc một phần thửa đất 298, tờ bản đồ 60 tọa lạc khu phố C, TT T, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là Thôn C, xã T, tỉnh Đồng Nai). Hai bên thỏa thuận giá chuyển

nhượng là 1.400.000.000đ. Anh H đặt cọc 300.000.000đ, số tiền còn lại khi nào ông H1 hoàn tất hồ sơ ký hợp đồng chuyển nhượng tại phòng công chứng thì anh H sẽ chuyển hết số tiền còn lại. Thời gian để ông H1 hoàn tất hồ sơ là 01 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng đặt cọc. (Thời gian có thể sớm hơn hoặc trễ hơn theo sổ). Các bên có làm hợp đồng đặt cọc, ông H1 có ký tên, điểm chỉ, chị H2 ký người làm chứng.

Ngày 29/8/2022 thì bà Lê Thị H2 là con gái ông H1 yêu cầu đặt cọc thêm số tiền 100.000.000đ để nhanh chóng làm hồ sơ. Anh H chuyển cho chị H2 100.000.000đ. Tổng số tiền anh H đặt cọc cho ông H1, chị H2 là 400.000.000đ.

Thửa đất đặt cọc được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ số phát hành CG 060914, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 16076, cấp ngày 22/3/2017. Thửa đất này đứng tên con trai ông H1 là anh Lê Bá L. Khi ông H1 nhận cọc thì không có giấy ủy quyền của anh L và anh L không ủy quyền cho ông H1 nhận cọc. Thửa đất này có nguồn gốc của ông H1 và ông Hiệp T cho con trai là anh Lê Bá L và anh Lê Bá L đứng tên và toàn quyền quyết định.

Nay anh H khởi kiện:

- Anh Nguyễn Minh H yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng đặt cọc ngày 29/7/2022 giữa anh Nguyễn Minh H và ông Lê Bá H1 đối với thửa đất số 298, tờ bản đồ 60 tọa lạc tổ F, khu phố C, TT T, huyện H, tỉnh Bình Phước nay là thôn C, xã T, tỉnh Đồng Nai

- Anh Nguyễn Minh H yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Bá H1 và chị Lê Thị H2 có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại số tiền cọc 400.000.000đ cho anh H thì ý kiến của ông H1 là: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H3 và yêu cầu tiếp tục hợp đồng đặt cọc, thửa đất này hiện tại đang đăng ký biến động và sẽ làm thủ tục tách thửa để ra công chứng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H2 quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của ông H1, tổng số tiền chị H2, ông H1 nhận cọc của anh Nguyễn Minh H là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Nay chị H2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H và yêu cầu tiếp tục hợp đồng đặt cọc do thửa đất này hiện tại đang đăng ký biến động và sẽ làm thủ tục tách thửa để ra công chứng. Do công việc bận bịu nên xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Bá L trình bày:

Anh L là chủ sử dụng thửa đất 298, tờ bản đồ 60 tọa lạc khu phố C, TT tân Khai, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là Thôn C, xã T, tỉnh Đồng Nai). Đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ số phát hành CG 060914, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 16076 , cấp ngày 22/3/2017 thửa đất này có nguồn gốc do cha mẹ tặng cho anh L. Anh L cùng cha mẹ và chị gái là chị H2 cùng quản lý, sử dụng thửa đất trên. Việc ông H1 đặt cọc để chuyển nhượng cho ông H không liên quan đến ông L và ông L không biết sự việc trên. Do công việc bận bịu nên xin vắng mặt đến khi vụ án giải quyết xong.

Tranh luận của đương sự tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm B tranh luận: Chị H2 và ông H1 có nhận tiền cọc của ông H. Tuy nhiên thừa đất đặt cọc không đứng tên ông H1, chị H2 và không được chủ sử dụng đất ủy quyền nhận cọc. Vì vậy hợp đồng đặt cọc vô hiệu nên yêu cầu chị H2, ông H1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại số tiền cọc 400.000.000đ cho anh H.

Bị đơn ông H1 tranh luận: Tòa xử trả tiền cọc hay tiếp tục hợp đồng đặt cọc thì phương án nào tôi cũng nhất trí.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Đồng Nai phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình hòa giải, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý cho đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ và ý kiến của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên hợp đồng đặt cọc vô hiệu, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền đặt cọc 400.000.000đ. Án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, bị đơn ông Lê Bá H1 có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Nai nên theo khoản 3, Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

* Về nội dung vụ án:

[2] Xét yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tuyên hợp đồng đặt cọc vô hiệu, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là quyền tự định đoạt của nguyên đơn, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh H về yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng đặt cọc ngày 29/7/2022 giữa anh H với ông Lê Bá H1, buộc người nhận cọc ông H1, bà H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả lại 400.000.000đ nhận cọc, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Biên bản hòa giải ngày 26/7/2025, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người được nguyên đơn anh Nguyễn Minh H ủy quyền là bà Phạm Thị Cẩm B trình bày:

Ngày 29/7/2022 anh H có làm hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông H1 đối với phần diện tích 5m x 40m trong đó có 50 m² thổ cư thuộc một phần thửa đất 298, tờ bản đồ 60 tọa lạc khu phố C, TT T, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là Thôn C, xã T, tỉnh Đồng Nai). Đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ phát hành CG 060914, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 16076, cấp ngày 22/3/2017. Khi đặt cọc chỉ coi sổ đất có sơ đồ phía trong và cứ nghĩ là đất đứng tên ông H1. Sau này mới biết đất đứng tên ông Lê Bá L là con trai ông H1. Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 1.400.000.000đ. Anh H đặt cọc 300.000.000đ, số tiền còn lại khi nào ông H1 hoàn tất hồ sơ ký hợp đồng chuyển nhượng tại phòng công chứng thì anh H sẽ chuyển hết số tiền còn lại. Thời gian để ông H1 hoàn tất hồ sơ là 01 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng đặt cọc. Các bên có làm hợp đồng đặt cọc, ông H1 có ký tên, điểm chỉ, chị H2 ký người làm chứng. Tuy nhiên đến ngày 29/8/2022 thì bà Lê Thị H2 là con gái ông H1 yêu cầu đặt cọc thêm số tiền 100.000.000đ để nhanh chóng làm hồ sơ. Anh H chuyển cho chị H2 100.000.000đ thông qua chị D là dì của anh H. Tổng số tiền anh H đặt cọc cho ông H1 là 400.000.000đ.

Bị đơn ông H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H2 cũng thừa nhận các nội dung như đã nêu trên và thừa nhận chữ ký, dấu điểm chỉ trong giấy biên nhận đặt cọc ngày 29/7/2022 đúng là của ông H1, chị H2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận các nội dung trên là sự thật.

[4] Xét Hợp đồng đặt cọc ngày 29/7/2022 được anh Nguyễn Minh H ký kết với ông Lê Bá H1, nhưng thửa đất thửa đất 298, tờ bản đồ 60 tọa lạc khu phố C, TT T, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là Thôn C, xã T, tỉnh Đồng Nai). Đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ phát hành CG 060914, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 16076, cấp ngày 22/3/2017 đứng tên con ông H1 là ông Lê Bá L. Như vậy tại thời điểm ngày 29/7/2022 thì đối tượng của hợp đồng đặt cọc là một phần quyền sử dụng đất diện tích: 5m x 45m và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất, tọa lạc tại khu phố C, TT T, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là Thôn C, xã T, tỉnh Đồng Nai) đứng tên anh Lê Bá L, nhưng khi ông H1 đem diện tích này ra ký hợp đồng đặt cọc với anh H không có sự đồng ý và không có sự uỷ quyền của anh L là trái pháp luật. Nên cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong Hợp đồng đặt cọc ngày 29/7/2022 giữa ông H1 với anh H không thể thực hiện được nên bị vô hiệu. Tại phiên tòa ông H1 cho rằng toàn bộ số tiền cọc thì chị H2 giữ và sử dụng, ông H1 không sử dụng. Tuy nhiên theo biên bản hòa giải tại tòa án và hợp đồng đặt cọc thì ông H1 và chị H2 là người cùng nhận tiền cọc vì vậy lời trình bày của ông H1 không nhận tiền cọc là không có cơ sở. Đối với chị H2 cũng tham gia nhận cọc cùng với ông H1. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh H tuyên Hợp đồng đặt cọc ngày 29/7/2022 giữa anh H và ông H1 bị vô hiệu, buộc ông Lê Bá H1, chị Lê Thị H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Nguyễn Minh H số tiền cọc 400.000.000đ.

[5] Xét hậu quả của hợp đồng đặt cọc bị vô hiệu (Tiền phạt cọc): Do nguyên đơn không có quyền đặt cọc, còn anh H cũng không tìm hiểu về tình trạng pháp lý diện tích đất đặt cọc, nên hai bên đều có lỗi. Theo quy định tại điểm d tiểu mục 1, mục I của Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: “Nếu cả hai bên cùng có lỗi thì không phạt cọc”. Hơn nữa nguyên đơn không yêu cầu phạt cọc với số tiền 400.000.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn được Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) ($400.000.000đ \times 5\%$ án phí = 20.000.000đ).

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Nguyễn Minh H số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) tiền đặt cọc là có căn cứ chấp nhận. Đối với vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý cho đương sự cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3, Điều 26; khoản 1 điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 184; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 117, Điều 122; Điều 123; Điều 131 và Điều 132, Điều 288, Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” của nguyên đơn anh Nguyễn Minh H.

2. Tuyên “Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ngày 29/7/2022 giữa anh Nguyễn Minh H với ông Lê Bá H1 bị vô hiệu.

3. Buộc ông Lê Bá H1 có nghĩa vụ liên đới cùng chị Lê Thị H2 phải trả lại cho anh Nguyễn Minh H số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) tiền đặt cọc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền) nếu bên phải thi hành chậm thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Bá H1, chị Lê Thị H2 phải liên đới chịu 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ trả lại cho anh Nguyễn Minh H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.300.000đ (Mười triệu ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005854 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện, Bị đơn ông H1 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh L, chị H2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc kể từ ngày bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10;
- Đường sự;
- THADS khu vực 10;
- Lưu trữ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thuyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10;
- Đường sự;
- THADS khu vực 10;
- Lưu trữ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thuyên

